

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: anh Mai Văn D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: chị Đoàn Thị T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 07 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 07 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Mai Văn D và chị Đoàn Thị T.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: anh Mai Văn D và chị Đoàn Thị T thừa nhận vợ chồng có một con chung, cháu là Mai Đức D1, sinh ngày 16/05/2018. Anh D và chị T thống nhất giao cháu D1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị

T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh D.

2.2. *Về tài sản chung*: ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) là tài sản chung của anh Mai Văn D và chị Đoàn Thị T; anh D được quyền sở hữu số tiền 150.000.000 đồng, chị T được quyền sở hữu số tiền 450.000.000 đồng, hai bên đã được nhận đủ tiền và không có ý kiến gì khác.

2.3. *Về án phí*: anh Mai Văn D và chị Đoàn Thị T thống nhất, anh Dương c toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 7.300.000đ (bảy triệu ba trăm nghìn đồng) anh D đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0002339 ngày 26/06/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Mai Văn D và chị Đoàn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

Trả lại cho anh Mai Văn D 7.150.000đ (bảy triệu đồng một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Chi cục THADS huyện Hà Trung;
- UBND xã Hà Long, huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đào Văn Nam